

Danh mục 61 ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 của HUTECH:

TT	Ngành, chuyên ngành	Mã ngành	Thời gian học	Tổ hợp xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh - <i>Quản trị doanh nghiệp</i> - <i>Quản trị kinh doanh số</i> - <i>Quản trị hành chính văn phòng</i> - <i>Quản trị logistics</i> - <i>QT Marketing - Nhượng quyền thương mại</i>	7340101	3,5 năm	Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Sử Toán, Văn, Địa Toán, Văn, Lý Toán, Văn, Tin học Toán, Văn, GDKT&PL
2	Digital Marketing - <i>Chiến lược Digital Marketing</i> - <i>Quản trị Digital Marketing</i>	7340114		
3	Marketing - <i>Marketing tổng hợp</i> - <i>Quản trị Marketing</i> - <i>Marketing truyền thông</i>	7340115		
4	Kinh tế số	7310109		
5	Kinh doanh thương mại - <i>Thương mại quốc tế</i> - <i>Điều phối dự án</i> - <i>Quản lý chuỗi cung ứng</i>	7340121		
6	Kinh doanh quốc tế - <i>Thương mại quốc tế</i> - <i>Kinh doanh số</i>	7340120		
7	Kinh tế quốc tế - <i>Quản lý đầu tư quốc tế</i> - <i>Kinh tế đối ngoại</i>	7310106		
8	Thương mại điện tử - <i>Marketing trực tuyến</i> - <i>Giải pháp thương mại điện tử</i>	7340122		

	- <i>Kinh doanh trực tuyến</i>			
9	Khoa học dữ liệu	7460108		
10	Bất động sản	7340116		
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605		
12	Tâm lý học - <i>Tham vấn tâm lý</i> - <i>Tổ chức nhân sự</i> - <i>Trị liệu tâm lý</i>	7310401		
13	Quan hệ công chúng - <i>Tổ chức sự kiện</i> - <i>Truyền thông doanh nghiệp</i> - <i>Quản lý truyền thông</i>	7320108		
14	Truyền thông đa phương tiện - <i>Sản xuất sản phẩm truyền thông quảng cáo</i> - <i>Sản xuất phim</i> - <i>Kinh doanh sản phẩm truyền thông số</i>	7320104		
15	Quản trị nhân lực	7340404		
16	Quản trị khách sạn	7810201		
17	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202		
18	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103		
19	Quản trị sự kiện	7340412		
20	Quản lý thể dục thể thao - <i>Quản lý thể thao giải trí</i> - <i>Quản lý thể thao điện tử</i> - <i>Quản lý Gym Fitness</i>	7810301		
21	Luật kinh tế - <i>Luật Tài chính - ngân hàng</i> - <i>Luật Kinh doanh</i> - <i>Luật Thương mại</i>	7380107		
22	Luật thương mại quốc tế	7380109		
23	Luật - <i>Luật Dân sự</i>	7380101		

	- Luật Hành chính - Luật Hình sự			
24	Tài chính - Ngân hàng - Tài chính ngân hàng - Đầu tư tài chính - Tài chính doanh nghiệp	7340201		
25	Kế toán - Kế toán ngân hàng - Kế toán tài chính - Kế toán quốc tế - Kế toán công - Kế toán kiểm toán - Kế toán số	7340301		
26	Công nghệ tài chính	7340205		
27	Hệ thống thông tin quản lý - Hệ thống thông tin kinh doanh - Phân tích dữ liệu - Hệ thương mại điện tử - Hệ thống Blockchain/Crypto	7340405		
28	Công nghệ thực phẩm - Quản lý sản xuất và cung ứng thực phẩm - Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm - Dinh dưỡng và công nghệ thực phẩm	7540101	3,5 năm	Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Hóa Toán, Văn, Sinh Toán, Văn, Lý Toán, Văn, Tin học Toán, Văn, GDKT&PL
29	Công nghệ sinh học - CNSH y dược - CNSH bảo quản và chế biến thực phẩm - CNSH mỹ phẩm - CNSH phát triển nông nghiệp hữu cơ	7420201		
30	Công nghệ thẩm mỹ	7420207		
31	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101		
32	Thiết kế đồ họa	7210403	3,5 năm	Toán, Văn, Anh

	- Thiết kế đồ họa truyền thông - Thiết kế đồ họa kỹ thuật số			Toán, Văn, Lý Toán, Văn, Sử Toán, Văn, Địa Toán, Văn, Vẽ Toán, Văn, Tin học
33	Công nghệ điện ảnh, truyền hình - Quay phim điện ảnh và truyền hình - Sản xuất phim kỹ thuật số	7210302		
34	Thiết kế thời trang - Nghệ thuật thiết kế trang phục - Thiết kế xây dựng phong cách - QL thương hiệu và kinh doanh thời trang	7210404		
35	Thiết kế nội thất - Thiết kế không gian nội thất - Thiết kế sản phẩm nội thất	7580108		
36	Digital Art (Nghệ thuật số) - Thiết kế truyền thông số - Thiết kế game - Sản xuất phim kỹ thuật số	7210408		
37	Kiến trúc - Kiến trúc công trình - Kiến trúc xanh	7580101	4,5 năm	
38	Ngôn ngữ Hàn Quốc - Biên - phiên dịch tiếng Hàn - Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	7220210		Văn, Toán, Ngoại ngữ (*) Văn, Lý, Ngoại ngữ (*)
39	Ngôn ngữ Trung Quốc - Tiếng Trung thương mại - Văn hóa Trung Hoa - Biên - phiên dịch tiếng Trung	7220204		Văn, Toán, GDKT&PL Văn, Sử, Ngoại ngữ (*) Văn, Địa, Ngoại ngữ (*)
40	Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh thương mại - Tiếng Anh biên - phiên dịch - Tiếng Anh du lịch và khách sạn - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	7220201		Văn, Sử, Địa * Môn ngoại ngữ: chọn tiếng Anh/tiếng Trung/tiếng Nhật/tiếng Hàn/ tiếng Pháp
41	Ngôn ngữ Nhật	7220209		

	- <i>Tiếng Nhật biên - phiên dịch</i> - <i>Tiếng Nhật thương mại</i> - <i>Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật</i>			
42	Thanh nhạc - <i>Ca sĩ biểu diễn</i> - <i>Sản xuất âm nhạc</i>	7210205	3,5 năm	Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Sử Toán, Văn, Địa Toán, Văn, Âm nhạc Toán, Văn, Tin học Toán, Văn, GDKT&PL
43	Công nghệ thông tin - <i>Công nghệ phần mềm</i> - <i>Hệ thống thông tin ứng dụng</i> - <i>Mạng máy tính</i> - <i>An toàn mạng</i> - <i>Máy học và ứng dụng</i>	7480201	4 năm	Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Lý Toán, Văn, Sử Toán, Văn, Địa Toán, Văn, Tin học Toán, Văn, GDKT&PL
44	An toàn thông tin	7480202		
45	Khoa học máy tính	7480101		
46	Trí tuệ nhân tạo	7480107		
47	Robot và trí tuệ nhân tạo - <i>Robot thông minh</i> - <i>Dữ liệu và hệ thống</i>	7510209		
48	Công nghệ kỹ thuật ô tô - <i>Máy, khung gầm ô tô</i> - <i>Công nghệ hybrid</i>	7510205		
49	Công nghệ ô tô điện	7520141		
50	Kỹ thuật máy tính	7480106		
51	Kỹ thuật cơ khí - <i>CN chế tạo máy và tự động hóa sản xuất</i> - <i>Kỹ thuật khuôn mẫu</i> - <i>Kỹ thuật nhiệt lạnh và điều hòa không khí</i>	7520103		
52	Kỹ thuật cơ điện tử - <i>CN cơ điện tử và hệ thống sản xuất thông minh</i>	7520114		

	- <i>Lập trình hệ thống và chuyển đổi số</i>			
53	Kỹ thuật điện <i>- Năng lượng tái tạo và quản lý năng lượng</i> <i>- Điện công nghiệp</i> <i>- Hệ thống điện thông minh</i>	7520201		
54	Kỹ thuật điện tử - viễn thông <i>- Thiết kế vi mạch</i> <i>- Công nghệ IoT và mạng truyền thông</i> <i>- Điện tử y sinh</i>	7520207		
55	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa <i>- Tự động hóa</i> <i>- IoT</i>	7520216		
56	Kỹ thuật xây dựng <i>- Xây dựng dân dụng và công nghiệp</i> <i>- Xây dựng công trình giao thông</i> <i>- Xây dựng công trình đường sắt</i> <i>- Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng</i> <i>- BIM trong kỹ thuật xây dựng</i>	7580201		
57	Quản lý xây dựng <i>- Quản lý dự án xây dựng</i> <i>- Tài chính trong xây dựng</i> <i>- BIM trong quản lý xây dựng</i>	7580302		
58	Dược học <i>- Sản xuất và phát triển thuốc</i> <i>- Dược lâm sàng, Quản lý và cung ứng thuốc</i>	7720201	4,5 năm	Toán, Hóa, Anh Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Lý
59	Điều dưỡng	7720301	3,5 năm	Toán, Văn, Sinh
60	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601		Toán, Văn, Hóa
61	Thú y <i>- Bác sĩ thú y</i> <i>- Bệnh học thú y</i>	7640101	4,5 năm	Toán, Hóa, GDKT&PL

	- Công nghệ thú y - Chăm sóc thẩm mỹ thú cưng			
--	--	--	--	--